

## 52. TƯƠNG ƯNG ANURUDDHA (ANURUDDHASAMĪYUTTA)

### I. PHẨM ĐỘC CƯ (RAHOGATAVAGGA)

#### I. KINH ĐỘC CƯ THỨ NHẤT (*Paṭhamarahogatasutta*) (S. V. 294)

899. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Tôn giả Anuruddha trú ở Sāvatti, tại Thắng Lâm, khu vườn ông Anāthapiṇḍika.

Rồi Tôn giả Anuruddha trong khi độc cư thiền tịnh, tâm tưởng suy tư sau đây được khởi lên: “Những ai thôi thất bốn niệm xứ, cũng thôi thất đối với họ là Thánh đạo đưa đến chơn chánh đoạn tận khổ đau. Những ai thành tựu bốn niệm xứ thì cũng thực hiện được Thánh đạo đưa đến chơn chánh đoạn tận khổ đau.”

Rồi Tôn giả Mahāmoggallāna với tâm của mình biết được tâm của Tôn giả Anuruddha. Như người lực sĩ duỗi cánh tay co lại, hay co lại cánh tay đang duỗi ra; cũng vậy, Tôn giả Mahāmoggallāna hiện ra trước mặt Tôn giả Anuruddha. Rồi Tôn giả Mahāmoggallāna nói với Tôn giả Anuruddha:

– Cho đến như thế nào, này Hiền giả Anuruddha, Tỷ-kheo thực hiện bốn niệm xứ?

– Ở đây, này Hiền giả, Tỷ-kheo trú, quán tánh tập khởi trên nội thân. Vị ấy trú, quán tánh đoạn diệt trên nội thân. Vị ấy trú, quán tánh tập khởi và tánh đoạn diệt trên nội thân, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời.

Vị ấy trú, quán tánh tập khởi trên ngoại thân. Vị ấy trú, quán tánh đoạn diệt trên ngoại thân. Vị ấy trú, quán tánh tập khởi và tánh đoạn diệt trên ngoại thân, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời.

Vị ấy trú, quán tánh tập khởi trên nội ngoại thân. Vị ấy trú, quán tánh đoạn diệt trên nội ngoại thân. Vị ấy trú, quán tánh tập khởi và tánh đoạn diệt trên nội ngoại thân, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời.

Nếu vị ấy muốn: “Ta sẽ trú với tướng ghê tởm đối với pháp không ghê tởm”, vị ấy trú ở đây với tướng ghê tởm. Nếu vị ấy muốn: “Ta sẽ trú với tướng không ghê tởm đối với pháp ghê tởm”, vị ấy trú ở đây với tướng không ghê tởm. Nếu vị ấy muốn: “Ta sẽ trú với tướng ghê tởm đối với các pháp không ghê tởm và pháp ghê tởm”, vị ấy trú ở đây với tướng ghê tởm. Nếu vị ấy muốn: “Ta sẽ trú với tướng không ghê tởm đối với pháp ghê tởm và pháp không ghê tởm”,

vị ấy trú ở đây với tướng không ghê tởm. Nếu vị ấy muốn: “Từ bỏ cả hai, không ghê tởm và ghê tởm, ta sẽ trú xả, chánh niệm, tỉnh giác”, vị ấy trú ở đây với xả, chánh niệm, tỉnh giác.

Vị ấy trú, quán tánh tập khởi trên các nội thọ. Vị ấy trú, quán tánh đoạn diệt trên các nội thọ. Vị ấy trú, quán tánh tập khởi và tánh đoạn diệt trên các nội thọ, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời.

Vị ấy trú, quán tánh tập khởi trên các ngoại thọ. Vị ấy trú, quán tánh đoạn diệt trên các ngoại thọ. Vị ấy trú, quán tánh tập khởi và tánh đoạn diệt trên các ngoại thọ, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời.

Vị ấy trú, quán tánh tập khởi trên các nội ngoại thọ. Vị ấy trú, quán tánh đoạn diệt trên các nội ngoại thọ. Vị ấy trú, quán tánh tập khởi và tánh đoạn diệt trên các nội ngoại thọ, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời.

Nếu vị ấy muốn...

... trên nội tâm...

... trên ngoại tâm...

... trên nội ngoại tâm...

Nếu vị ấy muốn...

... trên nội pháp...

... trên ngoại pháp...

Vị ấy trú, quán tánh tập khởi trên các nội ngoại pháp. Vị ấy trú, quán tánh đoạn diệt trên các nội ngoại pháp. Vị ấy trú, quán tánh tập khởi và tánh đoạn diệt trên các nội ngoại pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời.

Nếu vị ấy muốn: “Ta sẽ trú với tướng ghê tởm đối với pháp không ghê tởm”, vị ấy trú ở đây với tướng ghê tởm... vị ấy trú ở đây với xả, chánh niệm, tỉnh giác.

Cho đến như vậy, này Hiền giả, là Tỷ-kheo thực hiện bốn niệm xứ.

## II. KINH ĐỘC CƯ THỨ HAI (*Dutiyarahogatasutta*) (S. V. 296)

**900.** Nhân duyên ở Sāvatti.

Rồi Tôn giả Anuruddha trong khi độc cư thiền định, tâm tưởng, suy tư sau đây được khởi lên: “Những ai thôi thất bốn niệm xứ, cũng thôi thất đối với họ là Thánh đạo đưa đến chơn chánh đoạn tận khổ đau. Những ai thành tựu bốn niệm xứ cũng thành tựu đối với họ là Thánh đạo đưa đến chơn chánh đoạn tận khổ đau.”

Rồi Tôn giả Mahāmoggallāna với tâm của mình biết tâm tư suy tưởng của Tôn giả Anuruddha. Như một nhà lược sĩ... hiện ra trước mặt Tôn giả Anuruddha. Rồi Tôn giả Mahāmoggallāna nói với Tôn giả Anuruddha:

– Cho đến như thế nào, thưa Hiền giả Anuruddha, là Tỷ-kheo thực hiện bốn niệm xứ?

– Ở đây, thừa Hiền giả, Tỷ-kheo trú, quán thân trên nội thân, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Vị ấy trú, quán thân trên ngoại thân, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Vị ấy trú, quán thân trên nội ngoại thân, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời.

Vị ấy trú, quán thọ trên các nội thọ...

Vị ấy trú, quán tâm trên nội tâm...

Vị ấy trú, quán pháp trên các nội pháp, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Vị ấy trú, quán pháp trên các ngoại pháp, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Vị ấy trú, quán pháp trên các nội ngoại pháp, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời.

Cho đến như vậy, này Hiền giả, là Tỷ-kheo thành tựu bốn niệm xứ.

### III. KINH SUTANU (*Sutanusutta*) (S. V. 297)

**901.** Một thời, Tôn giả Anuruddha trú ở Sāvatti, trên bờ sông Sutanu.

Rồi nhiều Tỷ-kheo đi đến Tôn giả Anuruddha; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Anuruddha những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, các Tỷ-kheo ấy thưa với Tôn giả Anuruddha:

– Tôn giả Anuruddha tu tập, làm cho sung mãn những pháp nào, đạt được đại thắng trí?

– Thừa các Hiền giả, do tu tập, do làm cho sung mãn bốn niệm xứ nên tôi đạt được đại thắng trí. Thế nào là bốn? Ở đây, này chư Hiền, tôi trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời... trú, quán thọ trên các cảm thọ... trú, quán tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Này chư Hiền, chính do tu tập, làm cho sung mãn bốn niệm xứ này, tôi đạt được đại thắng trí.

Và thừa chư Hiền, chính do tu tập, làm cho sung mãn bốn niệm xứ này, tôi chứng tri liệt pháp là liệt pháp, trung pháp là trung pháp, thắng pháp là thắng pháp.

### IV. KINH KAṆḌAKĪ THỨ NHẤT (*Paṭhamakaṇḍakīsutta*) (S. V. 298)

**902.** Một thời, Tôn giả Anuruddha, Tôn giả Sāriputta và Tôn giả Mahāmoggallāna trú ở Sāketa, tại rừng Kaṇḍakī.

Rồi Tôn giả Sāriputta và Tôn giả Mahāmoggallāna, vào buổi chiều, từ độc cư thiền tịnh đứng dậy, đi đến Tôn giả Anuruddha; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Anuruddha những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, Tôn giả Sāriputta thưa với Tôn giả Anuruddha:

– Thừa Hiền giả Anuruddha, Tỷ-kheo Hữu học, sau khi đạt pháp gì, phải an trú pháp ấy?

– Thưa Hiền giả Sāriputta, Tỷ-kheo Hữu học, sau khi đạt bốn niệm xứ, phải an trú pháp ấy. Thế nào là bốn?

Ở đây, thưa Hiền giả, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Vị ấy trú, quán thọ trên các cảm thọ, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Vị ấy trú, quán tâm trên tâm... Vị ấy trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Thưa Hiền giả Sāriputta, Tỷ-kheo Hữu học, sau khi chứng đạt bốn niệm xứ này, phải an trú pháp ấy.

### V. KINH KANĀKĪ THỨ HAI (*Dutiyakaṇḍakīsutta*) (S. V. 299)

903. Nhân duyên ở Sāketa.

Ngồi một bên, Tôn giả Sāriputta nói với Tôn giả Anuruddha:

– Thưa Hiền giả Anuruddha, Tỷ-kheo Vô học, sau khi chứng đạt pháp gì, phải an trú pháp ấy?

– Thưa Hiền giả Sāriputta, Tỷ-kheo Vô học, sau khi chứng đạt bốn niệm xứ, phải an trú pháp ấy. Thế nào là bốn?

Ở đây, thưa Hiền giả, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời... trú, quán thọ trên các cảm thọ... trú, quán tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Thưa Hiền giả Sāriputta, Tỷ-kheo Vô học, sau khi chứng đạt bốn niệm xứ này, phải an trú pháp ấy.

### VI. KINH KANĀKĪ THỨ BA (*Tatīyakaṇḍakīsutta*) (S. V. 299)

904. Nhân duyên tại Sāketa.

Ngồi xuống một bên, Tôn giả Sāriputta nói với Tôn giả Anuruddha như sau:

– Tôn giả Anuruddha do tu tập, làm cho sung mãn những pháp nào, đạt được đại thắng trí?

– Thưa Hiền giả, do tu tập, do làm cho sung mãn bốn niệm xứ, tôi đạt được đại thắng trí. Thế nào là bốn?

Ở đây, thưa Hiền giả, tôi trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời... trú, quán thọ trên các cảm thọ... trú, quán tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Thưa Hiền giả, do tu tập, do làm cho sung mãn bốn niệm xứ này, tôi đạt được đại thắng trí.

Thưa Hiền giả, do tu tập, làm cho sung mãn bốn niệm xứ này, tôi thắng tri được một ngàn thế giới.

### VII. KINH ÁI TẬN (*Taṇhakkhayasutta*) (S. V. 300)

905. Nhân duyên ở Sāvattihī.

Tại đây, Tôn giả Anuruddha nói với các Tỷ-kheo:

– Nay chư Hiền.

– Thưa Tôn giả.

Các Tỷ-kheo vâng đáp Tôn giả Anuruddha. Tôn giả Anuruddha nói như sau:

– Bốn niệm xứ này, thưa chư Hiền, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến đoạn tận khát ái. Thế nào là bốn?

Ở đây, thưa chư Hiền, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân... trên các cảm thọ... trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Thưa chư Hiền, bốn niệm xứ này được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến đoạn tận khát ái.

### VIII. KINH TẠI NHÀ BẰNG CÂY SALAḶA (*Salaḷāgārasutta*) (S. V. 300)

**906.** Một thời, Tôn giả Anuruddha trú ở Sāvatti, tại nhà làm bằng cây Salaḷa.

Tại đây, Tôn giả Anuruddha gọi các Tỷ-kheo... nói như sau:

– Ví như, này chư Hiền, sông Hằng thiên về phương Đông, hướng về phương Đông, xuôi về phương Đông. Rồi một số đông quân chúng đến, cầm cốc, thúng và nói: “Chúng ta sẽ làm cho sông Hằng này thiên về phương Tây, hướng về phương Tây, xuôi về phương Tây.” Thưa chư Hiền, chư Hiền nghĩ thế nào, số đông quân chúng này có thể làm cho sông Hằng thiên về phương Tây, hướng về phương Tây, xuôi về phương Tây không?

– Thưa không, Hiền giả.<sup>1</sup> Vì sao? Thưa Hiền giả, vì sông Hằng thiên về phương Đông, hướng về phương Đông, xuôi về phương Đông, không dễ gì khiến cho thiên về phương Tây, hướng về phương Tây, xuôi về phương Tây được. Và quân chúng ấy chỉ mệt nhọc và tổn não mà thôi.

– Cũng vậy, này chư Hiền, Tỷ-kheo tu tập bốn niệm xứ, làm cho sung mãn bốn niệm xứ. Dầu cho vua chúa, hay đại thần, hay thân hữu, hay bạn bè, hay bà con huyết thống có thể đến dâng các tài vật và mời: “Hãy đến, này người kia, sao để các áo vàng này hành hạ ông? Sao lại đi loanh quanh với đầu trục và bình bát? Hãy hoàn tục, thọ hưởng các tài vật và làm các phước đức!” Tỷ-kheo ấy, thưa chư Hiền, được tu tập bốn niệm xứ, được làm cho sung mãn bốn niệm xứ, có thể từ bỏ giới trở lui hoàn tục; sự kiện như vậy không xảy ra. Vì sao? Vì này chư Hiền, tâm người ấy đã lâu ngày thiên về viễn ly, hướng về viễn ly, xuôi về viễn ly, lại trở lại hoàn tục, sự kiện như vậy không xảy ra.

Và này chư Hiền, Tỷ-kheo tu tập bốn niệm xứ như thế nào, làm cho sung mãn như thế nào? Ở đây, này chư Hiền, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân... trú, quán thọ trên các cảm thọ... trú, quán tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời; như vậy, thưa chư Hiền, Tỷ-kheo tu tập bốn niệm xứ, làm cho sung mãn bốn niệm xứ.

<sup>1</sup> Xem S. IV. 191.

**IX. KINH TẠI RỪNG AMBAPĀLI (*Ambapālivanasutta*) (S. V. 301)**

**907.** Một thời, Tôn giả Anuruddha và Tôn giả Sāriputta trú ở Vesāli, tại rừng Ambapāli.

Rồi Tôn giả Sāriputta, vào buổi chiều, từ chỗ độc cư thiên tịnh đứng dậy...

Ngồi một bên, Tôn giả Sāriputta thưa với Tôn giả Anuruddha:

– Thưa Hiền giả Anuruddha, các căn của Hiền giả trong sáng, thanh tịnh, sắc mặt được sáng suốt. Tôn giả Anuruddha nay trú nhiều sự an trú gì?

– Thưa Hiền giả, nay tôi an trú nhiều với tâm khéo an trú trên bốn niệm xứ. Thế nào là bốn?

Ở đây, thưa Hiền giả, tôi trú, quán thân trên thân... trú, quán thọ trên các cảm thọ... trú, quán tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Thưa Hiền giả, nay tôi an trú nhiều với tâm khéo an trú trên bốn niệm xứ.

Thưa Hiền giả, Tỷ-kheo nào là bậc A-la-hán, các lậu hoặc đã đoạn tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, mục đích đã đạt tới, hữu kiết sử đã đoạn tận, chánh trí, giải thoát; vị ấy an trú nhiều với tâm khéo an trú trên bốn niệm xứ này.

– Thật lợi ích cho chúng tôi, thưa Hiền giả! Thật khéo lợi ích cho chúng tôi, thưa Hiền giả! Chúng tôi được đối mặt với Tôn giả Anuruddha, đã được nghe tiếng nói như Ngưu vương.

**X. KINH BỊ TRỌNG BỆNH (*Bāḥagilānasutta*) (S. V. 302)**

**908.** Một thời, Tôn giả Anuruddha trú ở Sāvatti, tại rừng Andha, bị bệnh, khổ đau, bị trọng bệnh.

Rồi nhiều Tỷ-kheo đi đến Tôn giả Anuruddha và nói với Tôn giả Anuruddha:

– Tôn giả Anuruddha an trú với sự an trú gì khiến cho khổ thọ về thân khởi lên lại không có ảnh hưởng gì đến tâm?

– Thưa chư Hiền, do tôi trú với tâm khéo an trú trên bốn niệm xứ nên các khổ thọ về thân khởi lên không có ảnh hưởng gì đến tâm. Thế nào là bốn?

Ở đây, thưa chư Hiền, tôi trú, quán thân trên thân... trú, quán thọ trên các cảm thọ... trú, quán tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Thưa chư Hiền, do tôi trú với tâm khéo an trú trên bốn niệm xứ nên các khổ thọ về thân khởi lên không có ảnh hưởng đến tâm.

## II. PHẨM THỨ HAI (DUTIYAVAGGA)

### I. KINH MỘT NGÀN KAPPA (*Kappasahasutta*)<sup>2</sup> (S. V. 303)

909. Một thời, Tôn giả Anuruddha trú ở Sāvatti, tại Thắng Lâm, trong khu vườn ông Anāthapiṇḍika.

Rồi nhiều Tỷ-kheo đi đến Tôn giả Anuruddha; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Anuruddha những lời chào đón hỏi thăm... nói với Tôn giả Anuruddha:

– Do tu tập, do làm cho sung mãn những pháp gì Tôn giả Anuruddha đạt được đại thắng trí?

– Thừa chư Hiền, do tu tập, do làm cho sung mãn bốn niệm xứ, nên tôi đạt được đại thắng trí. Thế nào là bốn?

Ở đây, này chư Hiền, tôi trú, quán thân trên thân... trú, quán thọ trên các cảm thọ... trú, quán tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Do tu tập, do làm cho sung mãn bốn niệm xứ này, thừa chư Hiền, tôi đạt được đại thắng trí. Và cũng do tu tập, do làm cho sung mãn bốn niệm xứ này, thừa chư Hiền, nên tôi nhớ được ngàn kiếp.

### II. KINH NHIỀU LOẠI THẦN THÔNG (*Iddhividhasutta*) (S. V. 303)

910. Thừa chư Hiền, do tu tập, do làm cho sung mãn bốn niệm xứ này, tôi thực hiện nhiều loại thần thông: Một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân... có thể tự thân bay đến Phạm thiên giới.

### III. KINH THIÊN NHĨ THÔNG (*Dibbasotasutta*) (S. V. 304)

911. Thừa chư Hiền, do tu tập, do làm cho sung mãn bốn niệm xứ này, tôi chứng được Thiên nhĩ thông thuần tịnh siêu nhân, có thể nghe được hai thứ tiếng chư thiên và loài người, hoặc xa hoặc gần.

### IV. KINH BIẾT ĐƯỢC TÂM (*Cetopariyasutta*) (S. V. 304)

912. Thừa chư Hiền, do tu tập, do làm cho sung mãn bốn niệm xứ này, tôi với tâm của mình biết được tâm của nhiều loại hữu tình khác, nhiều loại người khác. Với tâm có tham, tôi rõ biết là tâm có tham... với tâm chưa giải thoát, rõ biết là tâm chưa giải thoát.

<sup>2</sup> Bản tiếng Anh của PTS: *Thousandfold*, nghĩa là *Một ngàn*.

**V. KINH XỨ' (*Thānasutta*)<sup>3</sup> (S. V. 304)**

913. Thưa chư Hiền, do tu tập, do làm cho sung mãn bốn niệm xứ này, tôi như thực rõ biết xứ là xứ,<sup>4</sup> phi xứ là phi xứ.

**VI. KINH TIẾP NHẬN QUẢ DỊ THỰC CỦA NGHIỆP (*Kammasamādānasutta*) (S. V. 304)**

914. Thưa chư Hiền, do tu tập, do làm cho sung mãn bốn niệm xứ này, tôi như thật rõ biết quả dị thực các nghiệp báo quá khứ, vị lai, hiện tại tùy thuộc sở do (*thānaso*) và tùy thuộc về nhân (*hetuso*).

**VII. KINH ĐẠO LỘ (*Sabbatthagāminisutta*)<sup>5</sup> (S. V. 304)**

915. Do tu tập, do làm cho sung mãn bốn niệm xứ này, tôi như thật rõ biết con đường đưa đến tất cả cảnh giới.

**VIII. KINH THẾ GIỚI SAI BIỆT (*Nānādhātusutta*)<sup>6</sup> (S. V. 304)**

916. Do tu tập, do làm cho sung mãn bốn niệm xứ này, tôi như thật rõ biết thế giới với mọi cảnh giới, nhiều chủng loại sai biệt.

**IX. KINH THẮNG GIẢI SAI BIỆT (*Nānādhimuttisutta*) (S. V. 305)**

917. Do tu tập, do làm cho sung mãn bốn niệm xứ này, tôi như thật rõ biết chỉ hướng sai biệt của các loại hữu tình.

**X. KINH CÁC CĂN THƯỢNG HẠ (*Indriyaparopariyattasutta*)<sup>7</sup> (S. V. 305)**

918. Do tu tập, do làm cho sung mãn bốn niệm xứ này, tôi như thật rõ biết các căn thượng hạ của các loại hữu tình và các loại người.

**XI. KINH THIỀN (*Jhānādisutta*) (S. V. 305)**

919. Do tu tập, do làm cho sung mãn bốn niệm xứ này, tôi như thật rõ biết sự tạp nhiễm, sự thanh tịnh, sự xuất khởi của các thiền chứng về thiền, về giải thoát, về định.

**XII. KINH TỨC MẠNG MINH (*Pubbenivāsasutta*)<sup>8</sup> (S. V. 305)**

920. Do tu tập, do làm cho sung mãn bốn niệm xứ này, tôi nhớ được nhiều đời quá khứ, như một đời, hai đời... nhiều đời sống quá khứ cùng các nét đại cương và các chi tiết.

**XIII. KINH THIỀN NHÃN MINH (*Dibbacakkhusutta*) (S. V. 306)**

921. Do tu tập, do làm cho sung mãn bốn niệm xứ này, tôi chứng được

<sup>3</sup> Tên kinh này và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: *Causal Occasion*, nghĩa là *Duyên hệ*.

<sup>4</sup> SA. III. 263 giải thích rằng đối với trí này, các đệ tử chỉ đạt được một phần, còn chư Phật thành tựu một cách viên mãn.

<sup>5</sup> Bản tiếng Anh của PTS: *Practice*, nghĩa là *Tu tập*.

<sup>6</sup> Bản tiếng Anh của PTS: *The World*, nghĩa là *Thế giới*.

<sup>7</sup> Bản tiếng Anh của PTS: *Faculty*, nghĩa là *Căn*.

<sup>8</sup> Tên kinh này và 2 kinh kế tiếp (921, 922) trong bản tiếng Anh của PTS dịch: *Knowledge*, nghĩa là *Minh*.



Thiên nhân thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống và sự chết của chúng sanh... Nhờ Thiên nhân thuần tịnh siêu nhân như vậy, tôi biết rõ chúng sanh đều đi theo hạnh nghiệp của họ.

#### XIV. KINH LẬU TẬN MINH (*Āsavakkhayasutta*) (S. V. 306)

**922.** Do tu tập, do làm cho sung mãn bốn niệm xứ này, do đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại với thắng trí tôi chứng ngộ, chứng đạt và an trú Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát.



